TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Aên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quản.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

Thư ký Aên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia Aên toà: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1437/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn Aên tòa số 186/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, N năm: 1981.

Thường trú, cư trú: Số 229/50/12, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bằng A, N năm: 1982.

Thường trú: Số R, lô D, đường C4, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Số R Huỳnh Thị Hai, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2012, Quyển số 1/2012, do Ủy ban nhân dân phường Tây

Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2012. Quá trình sống chung, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phương Mai, N ngày 08/11/2012 và Nguyễn Vĩnh Phúc, N ngày 19/11/2020. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung, nếu cháu Mai có nguyện vọng ở với cha, nguyên đơn đồng ý và nguyên đơn sẽ nuôi cháu Phúc; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Trường hợp cháu Mai có nguyện vọng ở với nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bằng A trình bày: Bị đơn không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ và các con. Trường hợp Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn, bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mai, cháu Phúc sẽ do nguyên đơn nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại Aên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bằng A.

+ Về con chung: Các đương sự có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phương Mai, N ngày 08/11/2012 và Nguyễn Vĩnh Phúc, N ngày 19/11/2020. Giao cháu Phúc cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Mai cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự do các đương sự chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại Aên tòa, kết quả tranh tụng tại Aên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đang cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 27/3/2023 bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ngày 03/3/2023 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2012, Quyển số 1/2012, do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2012, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, các đương sự phát N nhiều mâu thuẫn, không thể tự giải quyết được dù đã áp dụng nhiều biện pháp nên nguyên đơn có yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét, mâu thuẫn giữa các đương sự là có thật, chủ yếu do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng vẫn không thể hòa hợp được; hiện nay cả hai cũng đã sống ly thân.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hòa giải, giải

quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không thành. Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 cũng có văn bản trả lời cho Tòa án về mâu thuẫn giữa các đương sự. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

2.2. Về con chung: Các đương sự có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phương Mai, N ngày 08/11/2012 và Nguyễn Vĩnh Phúc, N ngày 19/11/2020. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, tuy nhiên cháu Mai đã trên 07 tuổi và đang trực tiếp sống cùng bị đơn nên nếu cháu Mai muốn tiếp tục ở với bị đơn thì nguyên đơn đồng ý theo nguyện vọng của cháu.

Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Cháu Mai (trên 07 tuổi) đang trực tiếp ở với bị đơn, có nơi ở, học hành ổn định và có lời khai muốn được tiếp tục ở với cha sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Cháu Phúc còn nhỏ (dưới 03 tuổi) đang trực tiếp ở với mẹ, được chăm sóc, có nơi ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, học hành, sự ổn định về tinh thần, sức khỏe của cháu Mai và cháu Phúc, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Mai cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Phúc cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự do các đương sự chưa có yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 208; Điều 227; Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 và 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bằng A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2012, Quyển số 1/2012, do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vĩnh Phúc, N ngày 19/11/2020 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Giao 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phương Mai, N ngày 08/11/2012 cho ông Nguyễn Bằng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự do các đương sự chưa có yêu cầu.

2.4. Vì lợi ích của con chung, các bên không được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, được quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; các bên và cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005104

ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại Aên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA AÊN TÒA

Trương Minh Ký